

Số: /QĐ-DTNTMC

Mường Chà, ngày 28 tháng 07 năm 2025

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc công bố công khai quyết toán sử dụng ngân sách quý 2 năm 2025 của trường PTDTNT THPT huyện Mường Chà**

*Căn cứ luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2021;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của bộ tài chính hướng dẫn về công khai Ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ vào số liệu đối chiếu quyết toán sử dụng ngân sách Quý 2 năm 2025 với kho bạc nhà nước huyện Mường Chà;*

*Xét đề nghị của bộ phận kế toán – tài chính nhà trường,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách quý 2 năm 2025 của trường PTDTNT THPT huyện Mường Chà (theo biểu đính kèm)

**Điều 2.** giao cho tổ trưởng văn phòng, kế toán nhà trường tổ chức thực hiện công khai số liệu quyết toán ngân sách quý 2 năm 2025 của trường PTDTNT THPT huyện Mường Chà dưới các hình thức: Công bố tại kỳ họp cơ quan, niêm yết tại bảng tin phòng chờ trụ sở làm việc của cơ quan, gửi lên trang thông tin điện tử mail của nhà trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban giám hiệu, cán bộ giáo viên, nhân viên trường PTDTNT THPT huyện Mường Chà tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu :VT, Mail trường.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*Nguyễn Quang Huy*

Đơn vị: Trường PTDTNT THPT huyện Mường Chà

Chương: 422

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 2 ĐẦU NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: /DTNTMC ngày 28/07/2025 của trường PTDTNT THPT huyện Mường Chà)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị  
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu  
đồng

| Số TT      | Nội dung                                              | Tổng số liệu báo cáo quyết toán | Tổng số liệu quyết toán được duyệt | Chênh lệch | Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc) |
|------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                     | 3                               | 4                                  | 5=4-3      | 6                                                                                   |
| <b>A</b>   | <b>Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                             |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại</b> |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 1          | Chi sự nghiệp.....                                    |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 2          | Chi quản lý hành chính                                |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>          |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 1          | Lệ phí                                                |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 2          | Phí                                                   |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| <b>B</b>   | <b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>              |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                     | <b>4.086.951</b>                | <b>4.086.951</b>                   |            |                                                                                     |
| 1          | Chi quản lý hành chính                                |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                      |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 2          | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ                   |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ        |                                 |                                    |            |                                                                                     |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia            |                                 |                                    |            |                                                                                     |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ                  |                                 |                                    |            |                                                                                     |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở               |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng         |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 2.3        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                  |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 3          | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề           | <b>4.086.951</b>                | <b>4.086.951</b>                   |            |                                                                                     |
| 3.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                        | 2.062,086                       | 2.062,086                          |            |                                                                                     |
| 3.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                  | 2.024.864                       | 2.024.864                          |            |                                                                                     |
| 4          | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình                |                                 |                                    |            |                                                                                     |

|           |                                                         |  |  |  |  |
|-----------|---------------------------------------------------------|--|--|--|--|
| 4.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |  |  |  |
| 4.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |  |  |  |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |  |  |  |  |
| 5.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |  |  |  |
| 5.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |  |  |  |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |  |  |  |  |
| 6.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |  |  |  |
| 6.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |  |  |  |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |  |  |  |
| 7.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |  |  |  |
| 7.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |  |  |  |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |  |  |  |
| 8.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |  |  |  |
| 8.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |  |  |  |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |  |  |  |
| 9.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |  |  |  |
| 9.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |  |  |  |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |  |  |  |
| 10.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |  |  |  |
| 10.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |  |  |  |
| <b>II</b> | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                               |  |  |  |  |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |  |  |  |  |
| 1.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 1.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>2</b>  | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |  |  |  |  |
| 2.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 2.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |  |  |  |  |
| 3.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 3.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |  |  |  |  |
| 4.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 4.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |  |  |  |  |
| 5.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 2.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |  |  |  |  |
| 6.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 6.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |  |  |  |
| 7.1       | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 7.2       | Dự án B                                                 |  |  |  |  |